TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba

2. Ông Châu Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐXX – ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Thị C – sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Nguyễn Minh N - sinh năm: 1967;

Địa Ỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh anh Nguyễn Minh N cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 1998. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N ăn chơi, không quan tâm đến gia đình, gây gổ cãi nhau, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không hàn gắn gắn được. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, ly thân được 02 năm, tôi và cháu K về nhà mẹ ruột sinh sống, còn anh N thì sống trong ngôi nhà chung của chúng tôi. Nhận thấy tình cảm không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/8/1999 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/8/2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn cháu K hiện nay đang sống chung với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu K, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Minh N trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và chị C cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 1998. Quá trình chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, ly thân khoảng 02 năm, chị C và cháu K về nhà mẹ ruột sinh sống. Còn tôi vẫn sống trong ngôi nhà chung của hai vợ chồng. Tôi còn thương vợ tôi, tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/8/1999 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/8/2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu Toà buộc phải ly hôn thì tôi đồng ý để cháu K cho chị C nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con vì 7 năm nay tôi bị bệnh không làm ra thu nhập nên mọi C phí trong nhà là do chị C lo.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên toà nguyên đơn Trần Thị C trình bày:*** Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: về tình cảm tôi yêu cầu được ly hôn với anh N; về con chung tôi xin nuôi cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng; về tài sản chung chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại phiên toà bị đơn Nguyễn Minh N trình bày:*** Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị C; về tình cảm tôi không đồng ý ly hôn bởi vì tôi còn thương chị C, mâu thuẫn hai vợ chồng không lớn; về con chung nếu Toà án buộc phải ly hôn thì tôi đồng ý để cháu K cho chị C nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Về hôn nhân: chị C được ly hôn với anh N. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/8/2007 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu. Về tài sản chung: các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh N cư trú tại: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: chị C trình bày hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N ăn chơi, không quan tâm đến gia đình, gây gổ cãi nhau, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không hàn gắn gắn được, quan hệ vợ chồng không hoà hợp, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, chị và cháu K về nhà mẹ ruột sinh sống nên chị xin ly hôn với anh N. Còn anh N thì cho rằng anh còn thương chị C, mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, qua buổi hoà giải tại Toà án và cũng như tại phiên toà hôm nay, chị C và anh N vẫn cải vả, lớn tiếng qua lại, từ đó cho thấy anh chị bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/8/1999 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/8/2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành nên Toà án không đặt ra vấn đề xem xét. Riêng đối với cháu K thì chưa trưởng thành, hiện nay cháu K đang sống chung với chị C, chị C làm công nhân có công việc ổn định, cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị C nên để đảm bảo cho cháu K phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần, do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C. Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/8/2007 cho chị Trần Thị C tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007052 ngày 28/11/2023 của C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị C đã thực hiện xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh